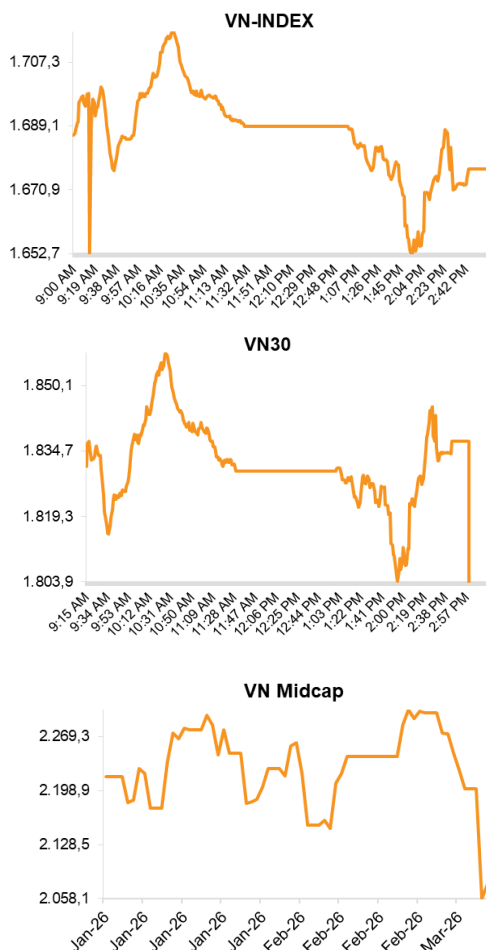


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Thị trường chứng khoán

Ngân hàng dẫn dắt hồi phục; Dầu khí điều chỉnh khi giá dầu hạ nhiệt

Kết thúc phiên giao dịch ngày 10/03/2026, VN-Index đóng cửa tại 1.672,27 điểm, tăng 19,48 điểm (+1,18%) so với phiên trước phiên hồi phục kỹ thuật sau chuỗi bán tháo lịch sử với mức giảm 6,51% của ngày 09/03. Thị trường mở cửa tích cực và duy trì sắc xanh trong suốt buổi sáng, tuy nhiên lực bán xuất hiện vào phiên chiều phần nào làm giảm đà hưng phấn của phe mua. Nhóm dầu khí có dấu hiệu điều chỉnh khi giá dầu quốc tế hạ nhiệt phần nào, làm suy yếu lực tăng trong phiên hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng về chiều tăng với 258 cổ phiếu tăng và 88 cổ phiếu giảm điểm.

VN30 đóng cửa tại 1.834,36 điểm, tăng 53,65 điểm (+3,01%) mức hồi phục mạnh hơn đáng kể so với VN-Index, phản ánh lực mua tập trung vào nhóm bluechip vốn hóa lớn. Trong rổ VN30 có 25 mã tăng (5 kịch trần), không có mã đứng giá, và chỉ 5 mã giảm. Phiên hôm nay ghi nhận sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm ngành. Tài nguyên (+7,53%) và Viễn thông (+7,43%) dẫn đầu đà tăng, tiếp theo là Dịch vụ bán lẻ (+4,67%), Công nghệ (+4,42%) và Ngân hàng (+4,28%) nhóm có vốn hóa lớn nhất thị trường và đóng vai trò chủ lực nâng đỡ chỉ số trong phiên hồi phục. Thực phẩm & Đồ uống (+3,37%), Xây dựng & Vật liệu (+2,55%) và Dịch vụ tài chính (+2,43%) cũng ghi nhận mức tăng tích cực. Ở chiều ngược lại, Dầu khí (-5,84%) là nhóm giảm mạnh nhất phiên do tác động từ diễn biến giá dầu thế giới hạ nhiệt, kéo theo Ô tô & Linh kiện (-4,32%) và Dịch vụ tiện ích (-3,37%) cùng điều chỉnh, hạn chế đà tăng chung của thị trường.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 10/03 đạt 38.157 tỷ đồng, xấp xỉ phiên giao dịch trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất — tín hiệu tích cực cho thấy dòng tiền không rút khỏi thị trường sau cú sốc ngày 09/03. Trong giai đoạn thị trường đang trải qua cú sốc bán tháo mang tính hệ thống với quy mô hiếm gặp, kỷ luật vốn và quản trị rủi ro là ưu tiên tuyệt đối: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: Ưu tiên tuyệt đối là kiểm soát tỷ lệ ký quỹ (margin): nếu tài khoản đang sử dụng đòn bẩy, cần bổ sung tài sản đảm bảo hoặc chủ động cắt giảm margin ngay khi thị trường có nhịp phục hồi kỹ thuật trong các phiên tới, tránh để bị force-sell ở vùng giá thấp hơn. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Hiện tượng capitulation với hàng trăm mã kịch sàn là điều kiện thường xuất hiện gần vùng đáy kỹ thuật tuy nhiên, đáy thực sự chỉ được xác nhận khi thị trường có phiên hồi phục mạnh với thanh khoản tốt và độ rộng đảo chiều tích cực. (2) Chưa nên giải ngân trong chính phiên hoảng loạn; thay vào đó, hãy theo dõi sát phiên giao dịch tiếp theo nếu xuất hiện nền tảng mạnh với khối lượng lớn sau phiên sụp đổ này, đó là tín hiệu xác nhận đáng tin cậy hơn để cân nhắc mua vào thận trọng ở tỷ trọng thấp.

Quốc gia	Chỉ số	Biến động 1 ngày (%)	Biến động từ đầu năm (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD bình quân ngày 3 tháng (Triệu USD)	Lợi suất TPCP nội tệ 5 năm	Dòng vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá nội tệ/USD (% sv tháng trước)	Tỷ giá nội tệ/USD (% svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	0,6%	3,9%	19,6	1,6	8,3%	2,2%	153.093	1,6%	120.517	0,6%	5,6%
Ấn Độ	NSE500 Index	1,0%	-6,7%	23,6	3,4	15,2%	1,2%	9.237	6,4%	-3.953	-1,4%	-4,9%
Indonesia	JCI Index	1,6%	-13,8%	18,3	1,9	11,4%	3,6%	1.514	6,1%	-371	-0,3%	-2,9%
Singapore	FTAS Index	2,1%	3,9%	16,7	1,4	9,2%	4,5%	1.256	1,6%	1.101	-0,6%	4,9%
Malaysia	FBME Index	1,6%	1,0%	16,2	1,4	8,4%	3,8%	656	3,4%	406	-0,1%	12,6%
Philippines	PCOMP Index	1,8%	-1,9%	10,1	1,0	10,1%	3,7%	109	5,8%	327	-0,7%	-2,6%
Thái Lan	SET Index	2,1%	12,1%	12,8	1,3	8,7%	4,3%	1.691	1,4%	1.404	-1,3%	7,2%
Việt Nam	VN-Index	1,4%	-6,0%	14,9	2,0	14,5%	1,5%	1.043	3,9%	-758	-1,3%	-2,7%

10/03/2026

Hình 1: Bảng diễn biến chỉ số

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.676,7	240,1	122,3
1 ngày (%)	1,4	2,0	2,4
1 tháng (%)	-4,4	-5,4	-3,0
Từ 2026	-6,0	-3,5	1,1
1 Năm (%)	26,0	0,2	23,3
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	296	14	24
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ V	3,2	3,1	1,9
Số mã tăng	258	132	229
Số mã giảm	88	39	65
Số mã tham chiếu	57	125	450

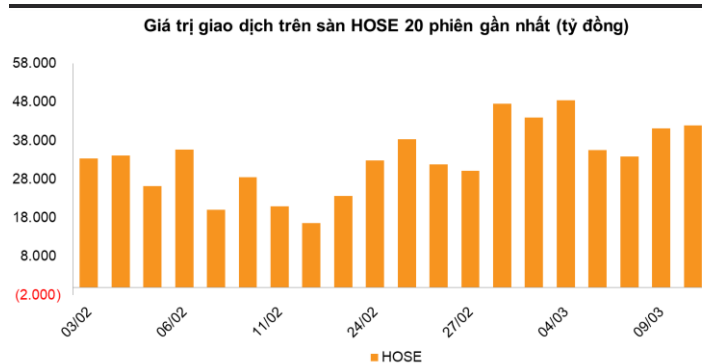
Nguồn: Bloomberg

Hình 2: Bảng diễn biến theo ngành

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)			% thay đổi khối lượng ngày	
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026 1 Năm		
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,6	129,0	3,5	3,9	-8,9	-9,0	19,2	83,6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,6	22,3	5,1	3,6	-8,1	-10,6	1,3	48,1
Năng lượng	3,5	30,6	2,6	-6,0	31,9	85,4	120,7	-22,2
Tài chính	39,5	11,9	1,7	3,8	-4,3	-0,8	14,8	10,7
Chăm sóc sức khỏe	0,5	38,3	2,8	2,3	-1,0	3,2	14,8	16,9
Công nghiệp	7,3	21,1	3,9	0,1	-6,1	-12,0	25,4	66,5
Công nghệ thông tin	2,0	15,4	3,6	4,3	-18,2	-15,2	-31,4	24,6
Vật liệu xây dựng	6,8	19,5	1,9	2,6	2,1	13,9	9,5	190,3
Bất động sản	23,3	56,1	5,0	-1,0	-4,3	-18,7	323,7	-15,8
Dịch vụ tiện ích	4,8	17,8	2,8	-4,1	-6,1	23,2	33,6	2,6

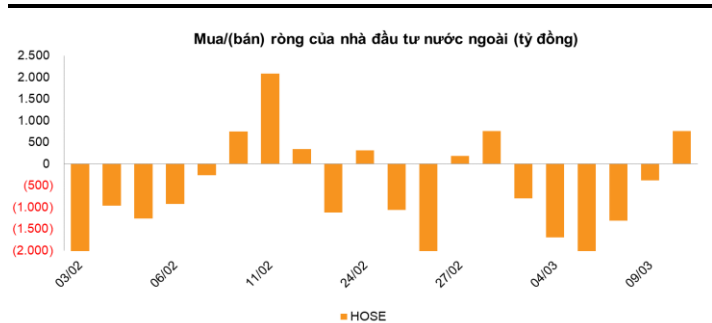
Nguồn: BLOOMBERG

Hình 3: Chart về diễn biến thanh khoản thị trường theo phiên trong 20 phiên gần nhất



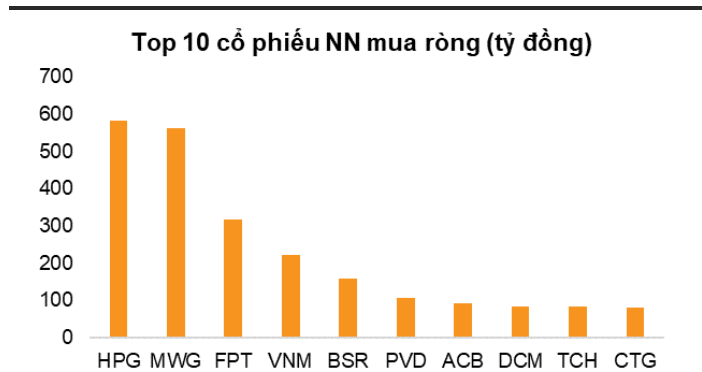
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: Mua bán ròng khối ngoại theo phiên trong 20 phiên gần nhất



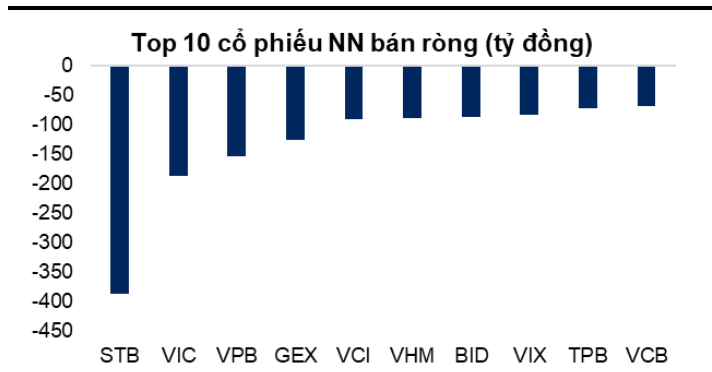
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: Top 10 CP mua ròng của khối ngoại theo phiên



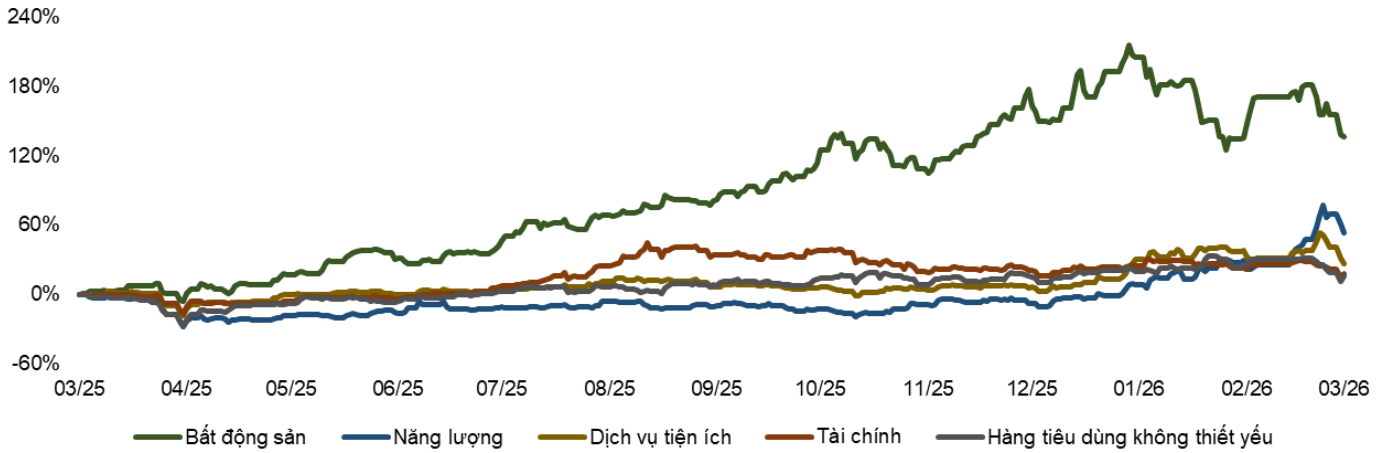
Nguồn: Fiinpro, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: Top 10 CP bán ròng khối ngoại theo phiên

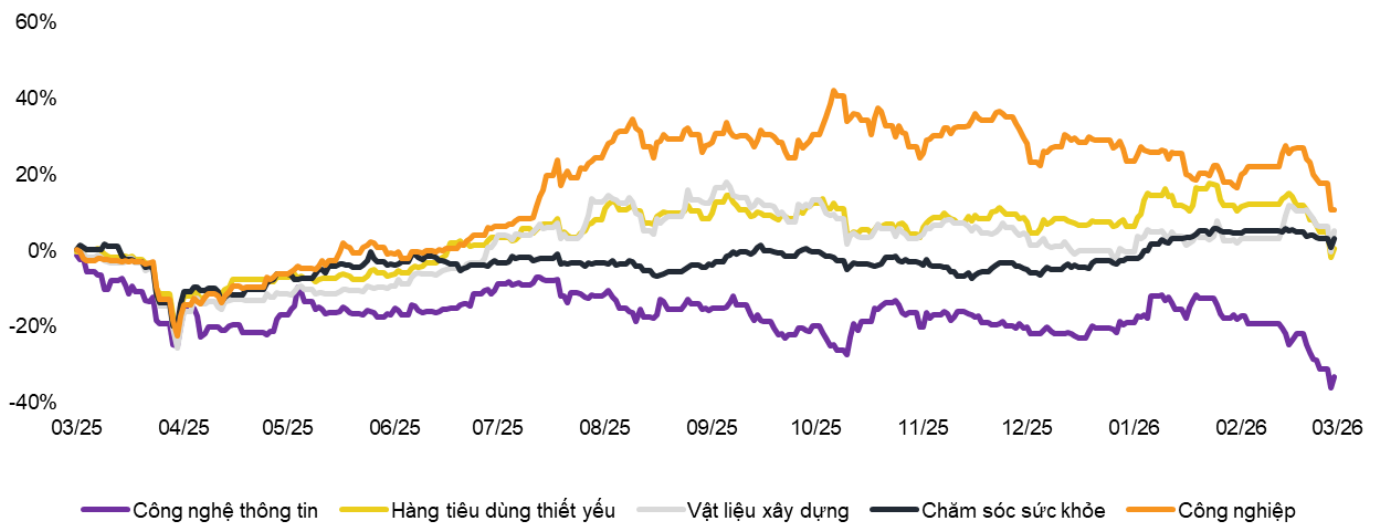


Nguồn: Fiinpro, VNDIRECT RESEARCH

Top 5 ngành có hiệu suất tốt nhất trên HSX



Top 5 ngành có hiệu suất tốt nhất trên HSX



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** giá dầu thô thế giới giảm mạnh hơn 6% trong phiên ngày 10/03 sau khi Tổng thống Donald Trump tuyên bố chiến dịch quân sự tại Iran "gần như hoàn tất". Giá dầu Brent lùi về mức 92,45 USD/thùng, trong khi WTI xuống còn 88,65 USD/thùng.
- **Nhật Bản:** Tháng 2, Nhật Bản ghi nhận 851 doanh nghiệp phá sản, tăng 11,3% so với cùng kỳ, mức cao nhất trong 13 năm do thiếu lao động và chi phí tăng mạnh.
- **Nhật Bản:** Số doanh nghiệp phá sản tại Nhật Bản trong tháng 2 đã tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước lên 851 vụ - mức cao nhất ghi nhận trong một tháng tính trong 13 năm gần đây, do các doanh nghiệp tiếp tục chịu sức ép từ tình trạng thiếu lao động và chi phí gia tăng.

Tin vĩ mô trong nước

- Chính phủ hạ thuế nhập khẩu ưu đãi xăng dầu xuống 0%: Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 72/2026/NĐ-CP về sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu.
- Mức thuế suất này quy định tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 về Biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

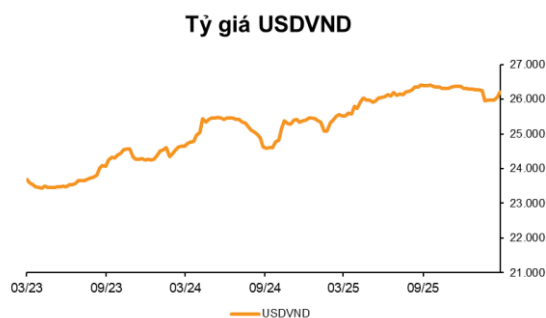
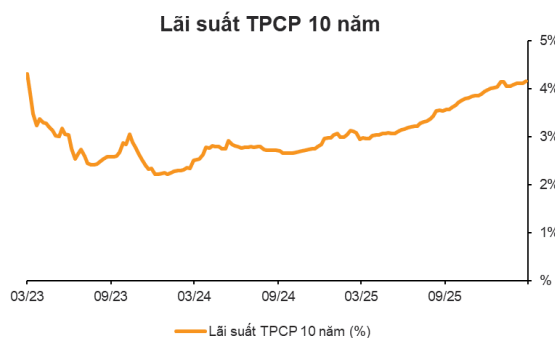
Tin ngành và doanh nghiệp

- **FPT & STB – Chiến lược cơ cấu của PYN Elite Fund:** Trong năm 2025, Quỹ PYN Elite đã thực hiện thoái vốn tại FPT và STB sớm hơn kế hoạch ban đầu. Đây là hai trường hợp thoái vốn sớm mang sắc thái đối lập, minh chứng cho việc đảo danh mục (portfolio rotation) kịp thời. Động thái này không chỉ giúp quỹ giảm thiểu rủi ro sụt giảm mà còn tái phân bổ dòng vốn một cách hiệu quả hơn trong bối cảnh thị trường chứng khoán biến động mạnh.
- **HPG – Động thái từ người nhà lãnh đạo:** Vào ngày 09/03, ông Trần Vũ Minh – con trai Chủ tịch Trần Đình Long – đã đăng ký mua vào 50 triệu cổ phiếu HPG. Động thái "bắt đáy" quy mô lớn này diễn ra ngay khi thị giá cổ phiếu Hòa Phát đang chịu áp lực điều chỉnh sâu, phát đi tín hiệu tích cực về niềm tin của ban lãnh đạo vào giá trị nội tại của doanh nghiệp.
- **Hàng không Hải Âu – Làn gió mới từ nhân sự cấp cao:** Hãng hàng không thủy phi cơ Hải Âu vừa bổ nhiệm tân Chủ tịch Hội đồng quản trị là một nữ nhân sự 31 tuổi, có liên quan đến hệ sinh thái Masterise Group. Sự thay đổi ở thượng tầng này được kỳ vọng sẽ tạo ra những xoay trục chiến lược mới trong định hướng kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
- **TCM – Giao dịch nội bộ:** Cũng trong ngày 09/03, vợ Chủ tịch HĐQT Công ty Dệt may Thành Công đã báo cáo hoàn tất mua vào 20.000 cổ phiếu TCM thông qua phương thức khớp lệnh trên sàn.
- **MSH – Mục tiêu tăng trưởng năm 2026:** May Sông Hồng đặt kế hoạch kinh doanh cho năm 2026 với sự thận trọng và kỳ vọng duy trì đà hồi phục. Cụ thể, doanh nghiệp đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu khoảng 8% và lợi nhuận trước thuế tăng 10% so với kết quả thực hiện của năm 2025.
- **PVG – Kế hoạch doanh thu kỷ lục:** Năm 2026, PVG đặt mục tiêu kinh doanh đầy tham vọng với sản lượng LPG đạt 356,9 nghìn tấn (tăng 29% so với kế hoạch 2025). Doanh thu dự kiến đạt 7.100 tỷ đồng – mức cao kỷ lục trong lịch sử hoạt động (tăng 7% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, lợi nhuận ròng dự kiến chỉ ở mức 14,6 tỷ đồng, tương đương với kết quả năm ngoái, phản ánh áp lực từ chi phí vận hành và biến động giá đầu vào.

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Date	Nation	Key Disclosures
Thứ Hai – Thứ Năm (09/03 – 12/03)	Trung Quốc	Trong tuần này, các phiên họp toàn thể tiếp tục thảo luận và biểu quyết thông qua các dự luật quan trọng gồm Bộ luật Môi trường sinh thái, Luật thúc đẩy đoàn kết dân tộc, và đặc biệt là Kế hoạch 5 năm lần thứ 15 (2026–2030)
Thứ Tư 11/03/2026	Mỹ	Chỉ số CPI tháng 2/2026
Thứ Năm 12/03/2026	Mỹ	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu (Initial Jobless Claims)
Thứ Sáu 13/03/2026	Mỹ	Chỉ số PCE Price Index tháng 1/2026

Thị trường tiền tệ và hàng hoá



Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,85	0,5	2,7	18,3	65,8
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	5,75	19,0	-32,0	248,5	37,6
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,32	2,8	-14,1	-11,3	76,4
USD/VND	26.235	0,2	-1,3	0,2	-2,7
DXY	98,56	-0,6	1,8	0,2	-5,1
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,09	-0,1	-1,2	-1,8	-2,9
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,55	-0,2	1,0	0,3	-8,8

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.187,80	1,6	3,7	19,5	78,9
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 thá	86,15	-9,1	34,7	50,0	30,5
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	90,20	-8,9	31,1	48,2	30,2
Thép (USD/tấn)	460,8	0,0	-1,6	-2,6	-8,5
Thịt heo (USD/kg)	1,5	-1,3	-15,1	-19,5	-30,2
Gạo (USD/tấn)	499,6	1,1	-1,6	14,8	-16,8
Phân urea (USD/tấn)	537,5	21,7	26,5	56,9	37,8

Giá hàng hoá

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-9,1%	34,7%	30,5%
Brent Crude	-8,9%	31,1%	30,2%
JKM LNG	4,6%	80,2%	46,2%
Henry Hub LNG	-13,0%	76,9%	41,7%
NW Thermal Coal	4,8%	0,0%	-23,2%
Singapore Platt FO	16,1%	67,5%	56,6%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	1,6%	3,7%	78,9%
Vàng SJC trong nước	-100,0%	-100,0%	-100,0%
Bạc	3,8%	8,5%	170,3%
Bạc kim	2,3%	5,7%	129,6%

Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	3,0%	51,7%	478,9%
Đồng	1,5%	-0,4%	26,9%
Nhôm	-2,4%	9,8%	25,2%
Niken	-0,1%	0,7%	5,9%
Kẽm	0,1%	-0,4%	1,8%
Chì	NA	NA	NA
Thép sắt	0,0%	-1,6%	-8,5%
Quặng sắt	0,0%	0,9%	3,2%

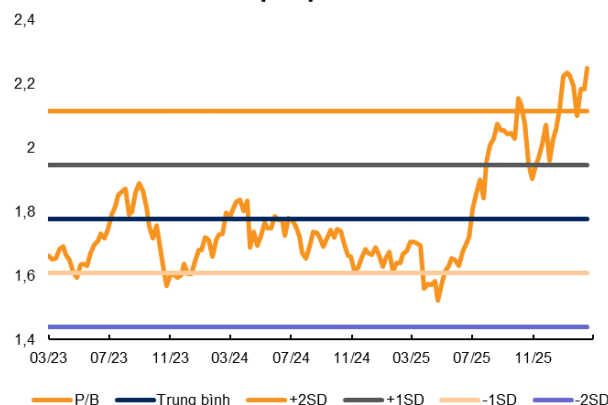
Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	1,1%	-1,6%	-16,8%
Arabica	1,4%	0,6%	-22,7%
Đường	3,5%	1,7%	-20,3%
Cacao	1,9%	-22,1%	-60,7%
Dầu cọ	-2,7%	8,3%	NA
Bông	1,1%	6,1%	-1,0%
Sữa bột	0,2%	8,5%	-10,6%
Lúa mì	-2,2%	13,1%	12,0%
Đậu tương	-0,5%	4,7%	17,5%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	-0,1%	8,1%	9,7%
Urê	21,7%	26,5%	37,8%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-0,8%	8,9%	8,6%
Gia súc	-1,9%	-3,8%	14,9%

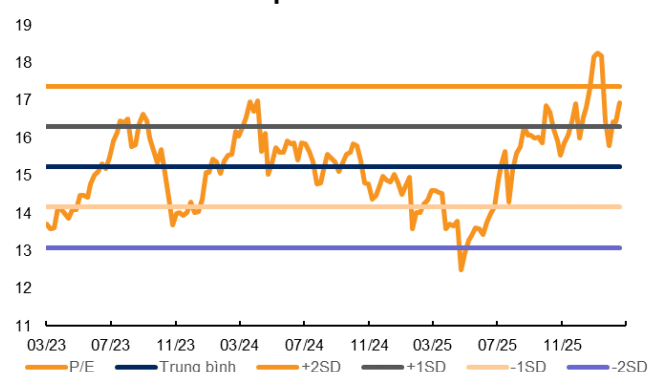
Nguồn: Bloomberg

Yếu tố thị trường

P/B hiện tại VN-INDEX



P/E trượt của VN-INDEX



DXY và lãi suất TPCP 5 năm



Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.582	5,5	3.087	48.200	73.300	53,2%	1,1%	15,9	2,5	17%
AST	125	0,0	4	72.600	85.400	21,1%	3,4%	13,2	5,6	45%
HVN	2.704	1,9	579	22.800	43.400	93,1%	2,7%	8,9	11,8	
VJC	3.495	11,2	821	155.000	113.600	-26,1%	0,6%	41,1	3,7	10%
Bán lẻ										
BAF	400	4,3	183	34.550	37.200	7,7%		64,0	2,6	3%
DGW	357	5,6	100	42.300	49.600	18,4%	1,2%	16,9	2,7	17%
FRT	943	3,5	156	145.200	150.300	3,8%	0,2%	31,1	4,7	26%
MCH	6.809	1,8	2.375	138.000	147.000	8,0%	1,5%	26,8	9,9	46%
MWG	4.534	26,6	57	81.000	96.300	20,1%	1,2%	16,9	3,6	23%
PNJ	1.476	8,1	3	113.500	109.900	-2,3%	0,9%	14,0	2,9	23%
QNS	671	0,3	272	47.900	53.400	13,6%	2,1%	7,9	1,4	18%
SAB	2.188	3,3	911	44.750	59.900	38,3%	4,5%	13,4	2,7	20%
VHC	488	3,3	388	57.000	71.300	28,6%	3,5%	9,4	1,3	15%
VNM	4.947	19,5	2.549	62.100	74.800	25,0%	4,6%	15,4	4,2	27%
Tài chính										
ACB	4.533	12,8	131	23.150	31.300	39,0%	3,8%	7,6	1,3	18%
BID	11.187	16,8	1.416	41.800	47.200	14,0%	1,1%	9,8	1,7	19%
CTG	10.377	23,5	486	35.050	49.000	40,7%	0,9%	7,9	1,5	21%
HDB	4.798	21,4	200	25.150	39.500	59,6%	2,6%	7,1	1,7	25%
LPB	4.623	3,2	196	40.600	33.400	-11,6%	6,2%	10,6	2,6	25%
MBB	8.152	31,8	1	26.550	32.900	25,8%	1,9%	8,0	1,6	22%
STB	4.671	31,8	732	65.000	45.700	-28,7%	0,9%	20,6	2,0	10%
TCB	8.184	17,9	2	30.300	40.300	36,3%	3,3%	8,5	1,3	16%
TPB	1.692	9,0	88	16.000	17.800	17,2%	6,0%	6,0	1,0	18%
VCB	19.237	27,6	1.814	60.400	69.300	15,5%	0,7%	14,3	2,2	17%
VIB	2.089	4,5	6	16.100	23.600	50,4%	3,8%	7,5	1,2	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	7.712	23,0	388	25.500	37.100	47,5%	2,0%	8,4	1,2	15%
Dệt may										
MSH	154	1,0	66	35.900	40.600	24,2%	11,1%	6,6	2,1	33%
TCM	100	1,5	2	23.500	29.800	28,9%	2,1%	10,9	1,1	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.130	3,2	702	54.000	68.600	29,1%	2,0%	16,2	2,5	16%
GMD	1.162	5,5	95	71.500	72.000	3,5%	2,8%	19,5	2,3	12%
HAH	362	5,8	83	56.300	55.400	-0,2%	1,4%	8,2	2,1	29%
VSC	312	8,4	148	21.850	19.100	-10,3%	2,3%	24,0	1,5	7%
IDC	600	6,1	211	41.500	45.600	13,5%	3,6%	8,2	2,4	32%
KBC	1.080	6,6	410	30.100	30.000	0,9%	1,2%	12,2	1,1	10%
PHR	301	2,0	107	58.200	68.400	19,8%	2,3%	16,6	1,9	13%
VTP	425	3,5	185	91.500	129.200	42,4%	1,2%	32,0	6,3	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.099	16,0	451	75.900	128.300	73,0%	4,0%	10,1	1,9	20%
HPG	7.929	47,8	2.110	27.100	30.000	11,8%	1,1%	13,5	1,6	13%
Dầu khí										
BSR	6.451	20,3	3.027	33.800	16.700	-49,3%	1,3%	32,6	2,8	9%
GAS	8.922	13,7	4.169	97.000	78.400	-17,1%	2,1%	20,5	3,5	18%
OIL	796	5,1	49	20.200	14.800	-25,5%	1,2%	63,9	2,0	3%
PLX	2.601	16,0	121	53.700	47.700	-8,9%	2,2%	28,6	2,6	10%
PVD	838	12,5	309	39.550	32.600	-11,3%	6,3%	24,0	1,3	6%
PVS	823	16,5	274	42.200	41.800	0,6%	1,6%	11,9	1,4	13%
PVT	476	6,4	179	26.600	23.400	-11,2%	0,9%	12,0	1,4	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	811	8,0	358	31.300	22.700	-24,7%	2,8%	20,8	1,9	10%
DCM	983	6,5	411	48.700	40.000	-13,8%	4,1%	15,2	2,4	16%
DDV	163	2,1	76	29.200	39.700	39,0%	3,1%	25,3	2,4	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	80	1,2	39	26.100	34.100	32,6%	1,9%	155,4	1,7	1%
Điện										
POW	1.532	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	367	2,5	113	26.000	37.400	45,8%	1,9%	13,6	1,4	11%
PC1	404	6,6	137	25.750	26.500	2,9%	0,0%	11,5	1,6	15%
REE	1.231	1,5	0	59.600	76.600	30,2%	1,7%	12,8	1,5	13%
Bất động sản										
DXG	562	8,6	163	13.250	18.300	53,2%	15,1%	57,4	1,0	2%
KDH	1.072	6,2	223	25.050	41.800	68,0%	1,2%	28,6	1,5	5%
NLG	478	3,4	44	25.850	42.200	65,0%	1,8%	17,7	1,0	6%
VHM	14.059	34,7	5.911	89.800	93.600			9,0	1,6	19%
VRE	2.083	12,1	774	24.050	32.000	37,4%	4,4%	8,5	1,1	14%
Công nghệ										
FPT	5.162	41,8	750	79.500	118.200	49,9%	1,3%	14,4	3,7	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA